

**PHẦN IV**

**SINH HOẠT**

## 1. Ở CỦA NGƯỜI DÂN HOÀ VANG

Đến đầu thế kỷ thứ XX, người Hoà Vang chủ yếu vẫn ở nhà tranh. Vật liệu để dựng lên một căn nhà bằng tre là chủ yếu. Nên tre trong đời sống người dân các làng xã huyện Hoà Vang là quan trọng. Không kể vật liệu làm nhà, tre có mặt trong đời sống mỗi người và mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Làm nhà bằng tre, ngâm ở ruộng lầy chừng 1 năm hoặc 6 tháng cho tre chín. Dem phơi phóng cho khô, dùng tre ngâm tạo nên sườn nhà ở có thể chắc, bền được từ 20 đến 30 năm nếu khô ráo. Nhà tại Hoà Vang thường là nhà đơn giản có 2 vì kèo, 2 khu dĩ tạo thành 2 chái và một gian, lợp tranh. Nhà thấp. Nền cao. Có 4 cây cột cái và 2 hàng cột trống trước, sau mỗi hàng 4 cây chống đỡ. Phía sau chái thêm ra tạo nên hiên sau, phía trước thường không nói mà sử dụng từ 2 đến 3 cửa chống bằng tre. Đêm, sụp cửa xuống, trong nhà kín đáo, ấm áp. Ngày chống cửa lên xem như đáy là phần hiên nhà. Về sau người các xã bỏ cửa chống bằng tre, coi phía trước thành hiên nhà, cửa bấy giờ được làm bằng phen cột neo trên một cây đòn bằng tre, có thể đẩy qua, lại được. Thời nay người dân trong làng bỏ cửa phen tre, dùng loại cửa khép mở. Cửa loại này có đủ kích cỡ và trang trí nhiều cách khác nhau tùy theo nhiều hay ít tiền. Chung quanh nhà che bằng phen tre, trét cút trâu, bò che kín gió lòi. Để bảo vệ phen, người dân còn che quanh một lớp tranh săng, hoặc tranh bằng rạ cây nếp phơi khô đánh thành tấm che chắn. Nhà như thế mùa đông rất ấm, mùa hè mát mẻ.

Về sau, thời thuộc Pháp một số gia đình giàu có như làm được nhà rường của sở bàn khoa, lợp ngói âm dương, sang

trọng. Nhà như thế ở Hòa Vang hiện còn lại không nhiều, chừng 64 cái <sup>1</sup>.

Đến thời Mỹ xâm lược lại thay nhà tranh bằng tôn, phen che bằng ván ngo, ván ép. Những năm 1965 về sau, người dân trong huyện có thể xây được nhà xông, lợp ngói, thay bộ sườn tre bằng bộ sườn gỗ mít, hoặc chò, thâu đầu chắc và đẹp hơn.

Nay, nhà cửa của dân đã khang trang, có nhà đúc bằng bê tông cốt thép, kiên cố. Trong nhà bày biện bàn ghế, tủ các loại, đa dạng, từ loại rẻ đến loại đắt tiền. Có loại dùng trang trí cho đẹp...

Đối với nhà tại các vùng trũng như Hà Châu, Xuân, Tiến Phước, Hoà Phong, Hoà Nhơn do đặc điểm địa hình nên nhà thường ở sát cạnh ruộng, đất thổ và ngang với mực nước kênh mương. Những vùng như vậy hằng năm thường có lụt lội ngập nhà nên nhà thường có rầm thượng, hoặc có gác, nơi cất chứa đồ đạc trong mùa mưa, nhiều nhất vẫn là lúa gạo, các loại khoai, sắn khô dự trữ và hồ sơ dòng họ, hộ tịch...được đưa lên gác trong mùa mưa lũ an toàn. Vùng trũng còn đắp nền cao đôi khi cao đến cả mét tây để tránh lụt ngập, bảo vệ người và tài sản.



*Gánh rạ lợp nhà (A: tư liệu)*

---

<sup>1</sup> Theo số liệu thống kê của Phòng quản lý di tích thuộc Sở VH TT Đà Nẵng.

## 2. ĐI LẠI

Ngay từ khi vào Nam khai cơ lập nghiệp, các tộc họ người Hoà Vang đã phải đi bộ là chủ yếu, đầu quần khăn nhiễu đượm phụ nữ quần mỏ quạ, chân trần đi đất. Các làng xã lại nằm trên một vùng có núi đồi, đồng bằng, ven biển. Các làng nằm dưới chân núi Phước Tường, Dương Sơn, Phong Lệ nên đường bộ là chủ yếu. Hai con sông Cu Đê và Cẩm Lệ, trước chỉ là con lạch nhỏ, sau, do khai thác cát sạn, sông đã được mở rộng nhưng không trở thành phương tiện giao thông đường thuỷ quan trọng của huyện được, chỉ con sông Cổ Cò là đường giao thông có thể đi ghe từ Hàn vào đến Hội An và ngược lại. Nay vẫn thế. Các làng vùng ven biển từ khi vào khai cơ lập nghiệp vẫn phải đi bộ, về sau ảnh hưởng chiếc ghe bầu của người Chăm, một số cư dân nghề biển đi buôn mới dùng đến phương tiện đường biển. Đa số là đi bộ. Do đó, có thể nói rằng hầu hết nhân dân trong huyện đều đi bộ, ngoài ra không có phương tiện gì khác. Họ thường đi bộ theo vùng. Vùng trung du miền núi có mối quan hệ vào ra từ Ái Nghĩa đến Cẩm Toại, Bồ Bản, Tuý Loan lên Phú Túc; vùng phía tây bắc của huyện từ An Lợi lên Hoà Bắc, qua làng Trường Định ... Từ làng Đông Phước ra Thanh Khê và Phong Lệ hoặc xuống Quá Quê đã là xa lắm; từ Hoà Châu vào Hoà Tiến, xuống Hoà Xuân, sang Hoà Phước như thế đã là xa. Các làng ven biển như Hoà Quý, Hoà Hải, Hà Thân ra đến Nam Thọ... vào ra giao lưu với nhau, cả việc quan hệ hôn nhân gia đình cũng phân bố theo vùng miền trung du, đồng bằng, miền biển mà ít có quan hệ xa, do phương tiện xưa kia còn hạn chế. Về sau do có phương tiện bằng xe đạp, người dân Hoà Vang giao lưu rộng hơn, xuyên suốt trong huyện được, do đó quan hệ hôn nhân, bè bạn được thiết lập rộng khắp trên địa bàn toàn huyện. Phương tiện đi lại vẫn là đi bộ, nhà có nhiều lúa khoai sẵn có thể sắm được đôi

guốc xà lan Xuân Dương hoặc guốc tự đẽo bằng gốc tre sử dụng trong đám, tiệc, hôn nhân còn các gia đình nghèo khó vẫn đi chân không là chủ yếu. Do đó, đường làng trên địa bàn huyện không phát triển, không cần rộng, dài vẫn có thể di chuyển được. Đường làng rộng lắm cũng chỉ vừa đủ cho con trâu, bò đi và người gồng gánh, vác cày là được. Do đi bộ nên hình thành mạng lưới đường nông thôn chi chít, dọc ngang trong làng, hình thành nên những con đường mòn cắt dọc ngang làng thành nhiều xóm, tạo mạng lưới chằng chịt liên thông, nối với các làng xã lân cận.

Guốc mang dưới chân vẫn là loại tự sắm, tự đẽo bằng gốc tre, bằng gỗ mước, hoặc bằng các loại mo: mo cau, mo nang (tre) nhiều lớp. Phổ biến vẫn là loại guốc đẽo bằng gỗ mước, gốc tre. Đôi khi người trong huyện mua từ các nơi khác từ Duy Xuyên, Điện Bàn về dùng. Huyện có làng guốc Xuân Dương tại xã Hoà Liên phát triển thành làng nghề sản phẩm bán đi xa, bởi bên cạnh có làng nước mắm Nam Ô thu hút nhiều lao động đi biển đánh bắt cá và tham gia làm nước mắm theo mùa, làng guốc tại Hoà Liên do đó phát triển vừa và nhỏ. Guốc ở đây có hai loại: guốc xà lan dùng cho đàn ông và một loại dùng cho phụ nữ. Đế guốc, thợ đẽo khắt hình chữ M nhằm tạo nên sự ma sát với mặt đất khi mang guốc, bước chân sẽ vững chắc hơn.

Nay, nhiều loại guốc dép khác nhau từ loại bằng da thuộc bền đẹp, sang trọng, đến loại bằng nhựa rẻ tiền, mau khô khi gặp mưa. Về hình dáng có đủ các loại kiểu dáng được tiếp thị, bày bán từ phố thị đến làng quê, đâu cũng có.

### **3. HỌC HÀNH – NGHĨA THỰC AN PHƯỚC**

Ngay sau khi thành lập huyện Hoà Vang không lâu, do nhu cầu học tập, trao dồi chữ nghĩa thánh hiền nên người Hoà Vang cũng đã kịp thời mở trường cho con em học tập. Tuy có rất nhiều khó khăn, song trên địa bàn rộng lớn này đã có trường học. Bấy giờ trường mở ra để dạy chữ Nho, đào tạo tầng lớp trí thức Nho học, tuyển chọn người tài đức phục vụ trong hệ thống chính quyền phong kiến. Tuy nhiên, con em nhân dân là sĩ tử, sinh đồ và con em nhân dân nghèo khó, thuộc tầng lớp bản cổ nông đến trường rất thấp, tỉ lệ đi học từ 5 – 10 %. Trường học, ngày ấy là “*Trường huyện nằm ở phía Tây huyện lỵ, thuộc xã Hóa Trung Tây, được xây dựng từ năm Minh Mạng thứ 5. Đến năm Tự Đức thứ 11, quân Pháp đổ bộ vào Đà Nẵng, binh lính đóng ở bên Cẩm Lệ, trường phải dời đến phía nam đại đồn Nghi An thuộc địa phận xã Đông Phước*”<sup>2</sup>. Đây là trường học đầu tiên của huyện chuyên về chữ nho. Để được đi học, trẻ em đến 7 tuổi phải làm lễ khai tâm xong mới có thể đến trường xin học được. (Tuy vậy, gia đình nghèo khó không có lễ khia tâm và cũng không đi học được). Lễ khai tâm dụng xôi gà, hoa quả, hương đèn, trầu rượu dâng lên cúng Thánh. Khai tâm là mong muốn con cháu học hành chóng giỏi, thành đạt công danh về sau nên sắm giấy bút, nghiên mực để sẵn trên bàn đọc giữa nhà chờ sẵn. Trong lễ khai tâm, trẻ được khai tâm phải lạy Thánh (hiền) thì mới ứng nghiệm, sau đấy người cha trong nhà hướng dẫn cho con mài mực vào nghiêng, viết lên tập vở mấy chữ: Thiên tích thông minh, thánh phò công dụng”<sup>3</sup>, hoặc có thể những chữ khác, song dụng nghĩa phải mong cho học được chữ nghĩa thánh

---

<sup>2</sup> Theo *Hoà Vang phổ chí*, Tú tài Trần Nhật Tinh tặng bỏ theo Di thảo của Mạnh Trai, Trần Hy Tăng tiên sinh. Cháu ngoại là Đỗ Thúc Trâm sao lại. Người dịch : Hanh Phú Nguyễn Đình Thăng.

<sup>3</sup> Trời phú sẵn cho tính thông minh, thánh giúp cho làm nên công nghiệp.

hiền. Sau lễ khai tâm là có thể cầm nghiên bút đi học được và tin rằng sẽ đỗ đạt thành tài vì đã được khai tâm. Ngày trước cha mẹ cho con em đi học phải tìm thầy nổi danh trong làng xã, tổng huyện để thọ giáo.

Để có vở đi học, viết bài khi thầy cho chữ, học trò dùng giấy dó đóng lại thành tập, không dùng chỉ để khâu mà dùng giấy cắt nhỏ xe thành sợi luồn vào gáy để đóng giấy lại. Đây là vở học chính thức, còn để tập viết ở nhà thì phải dùng lá chuối sứt, bởi lá chuối sứt dễ ăn mực và nhất là lá heo héo thì tốt. Vì vậy mà học trò nào thời xưa đi học chữ Nho đều phải viết tập trên lá chuối, vừa để thẳng hàng vì lá chuối có đường sống trên mỗi dung lá, rất tiện; đồng thời để tiết kiệm do không có tiền mua đủ giấy để tập viết hằng ngày.

Đến trường học (nói đúng ra là nhà của thầy dạy trong làng hoặc liên làng, liên xã), học trò lớn được ngồi trên bộ phản còn học trò đồng ấu thường trải chiếu lên nền nhà để viết tập.

Năm 1905, cách nay trên 100 năm, các cụ khoa bảng Nho học Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đứng ra vận động phong trào Duy Tân, chủ trương *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh* trong các tầng lớp nhân dân tỉnh Quảng Nam. Hưởng ứng phong trào, các cụ đồ nho tại làng Cẩm Toại am hiểu Nho học nhưng đồng thời cũng am hiểu Tây học, muốn đem sở học của mình truyền thụ cho con em trong vùng nhằm hưởng ứng phong trào Duy Tân đang phát triển mạnh mẽ thời bấy giờ tại Quảng Nam. Theo đó, các cụ chủ trương tân học tại tổng An Phước đã không ngại khó khăn thời bấy giờ, quyết tâm mở trường tại làng Cẩm Toại, mục đích chuyển cựu học sang tân học khi phần đông nhân dân trong vùng vẫn còn cho con em họ theo học chữ Nho để mong có được chân ông hương ông lý

trong làng, mặc dầu việc thi cử theo con đường Nho học đã không còn hấp dẫn như trước nữa.

Kịp khi phong trào Duy Tân được phát động rộng rãi và có ảnh hưởng, người trong tỉnh bỏ dần nếp sống lạc hậu, xây dựng nếp sống mới, trong đó việc học chữ quốc ngữ được ưu tiên vận động tham gia. Mở trường dạy chữ quốc ngữ là hình thức hưởng ứng Duy Tân có hiệu quả nhất, chính đó cụ Nghè Lâm Hữu Mẫn đã bỏ công sức lập trường chiêu sinh vào năm 1905 tại làng Cẩm Toại trong khuôn viên trạch cụ Hương ở Gò Lồi, ngay bên cầu Muồng nối liền hai làng Cẩm Toại và La Châu. Trường mở lớp dạy học không thu tiền, vừa dạy chữ, vừa khích lệ lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân trong đó thanh thiếu niên là đối tượng vận động theo học. Trường ra đời tại làng Cẩm Toại, ban đầu chỉ một phòng bằng tranh tre, được một thời gian do nằm khuất trong làng nên năm 1908, các vị sáng lập trường đồng tâm, hiệp lực dời từ Xóm Đông Lên Xóm Đình và chính thức lấy tên là *Trường An Phước*<sup>4</sup>. Bảy giờ trường đã có mái ngói âm dương, mát mẻ, khang trang. Ban đầu trường chỉ chiêu sinh có vài lớp, học trong một phòng, học sinh có độ tuổi chênh lệch nhau và nhận thức về xã hội thời bấy giờ cũng khác nhau nhưng được ngồi chung trong một lớp học, về sau dần tách ra cho phù hợp. Trường do dân lập, đã nhanh chóng thu hút sự đóng góp của địa phương và các tầng lớp nhân dân, điều đó là hình thức khởi đầu cho xã hội hoá giáo dục. Nằm trên địa bàn có sự chà xát thường

---

<sup>4</sup> Niên biểu trường An Phước: năm 1908 dời đến vị trí hiện nay gần đình làng Cẩm Toại, chuyển hẳn sang dạy chữ quốc ngữ; năm 1926, đổi tên thành trường Tổng An Phước (Ecole Cantonale d'An Phuoc); năm 1932 đổi tên thành Trường Sơ học An Phước (Ecole Elementaire d'An Phuoc); năm 1939 hoàn chỉnh bậc Tiểu học (Ecole Primaire Complémentaire d'An Phuoc); ngày 2.9.1954 lấy tên trường Tiểu học An Phước; 3.4.2008 được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 27.5.2008 được UBND thành phố Đà Nẵng xếp hạng di tích lịch sử văn hoá.



xuyên giữa ta và địch trong hai cuộc kháng chiến, thầy trò của trường vượt qua thử thách nêu cao gương chiến đấu dũng cảm, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước của dân tộc ta. Là trường Tiểu học, nhưng thời bấy giờ đã có tiếng vang trong cả tỉnh, các thế hệ học sinh đã trưởng thành góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trường An Phước đã liên tục phát triển, năm 1929, tổng An Phước thuộc huyện Đại Lộc đã được giao về cho huyện Hoà Vang. Học sinh của trường vừa cũ, vừa mới đã trưởng thành lại được phong trào cách mạng địa phương thúc đẩy, đã hăng hái hoạt động trong các tổ chức cách mạng hợp pháp do nhóm thanh niên Ngã tư Phú Sơn, tiền thân của chi bộ Phổ Lỗ Sỹ - chi bộ Đảng đầu tiên của tổng An Phước và của huyện Hoà Vang - chỉ đạo. Đến năm 1940 trường đã có đệ Nhất niên (như lớp Năm ngày nay), là đã hoàn chỉnh hệ Tiểu học, mang tên *Ecole primaire com plémentaire d' An Phuoc*, học sinh có thể học Sơ học và trường đã vươn lên tổ chức thi Sơ học yếu lược cho học sinh trên địa bàn huyện Hoà Vang nghiêm túc.

Cùng thời, trên địa bàn huyện Hoà vang hưởng ứng phong trào Duy Tân còn có các trường làng mở ra nhằm bước đầu dạy chữ quốc ngữ cho nhân dân trong huyện, nhất là thanh niên. Trường làng Hoà An do cụ tú Xước, tú Điền, cụ khoá Ngoạn, thầy giáo Nguyễn Như Thức vận động thành lập. Tại xã Tân Hạnh, do nhu cầu con em nhân dân muốn học chữ nên ông Nguyễn Ngọc Cầu đã không ngại khó khăn bỏ công vận động thành lập được một trường làng, cùng với thầy giáo Phan Hạng vừa chiêu sinh vừa giảng dạy. Tại Túy Loan có cụ nghề Đặng Bá Mai lập ra trường Túy Loan thu hút con em nhân dân đến

học. Tại Hoá Khuê có thầy giáo Lê Văn Mùi tục gọi thầy Hinh mở trường làng dạy học.

Từ năm 1922, trường làng Lỗ Giáng được Đốc học Quảng Nam đề xuất thành trường công thuộc tổng An Lưu, đến năm 1926, trên toàn bộ vùng Hoà vang chỉ có 3 trường được Đốc học Quảng Nam đồng ý cho phát triển thành trường công lập, dạy theo chương trình của Pháp, đội ngũ quản lý nhà trường do Đốc học bổ nhiệm. Đó là các trường An Phước, Lỗ Giáng, và Hoà Mỹ. Từ đây vai trò các nhà hảo tâm, các nhà nho quan tâm đến tân học đã không còn đóng vai trò quyết định phương thức phát triển của các trường làng nữa. Thời kỳ này các trường làng nhìn chung đều giảng dạy lịch sử, địa lý địa phương, các môn thủ công đan tre, đan lát, nghề mộc, nghề tre...

\*

Ngày trước trẻ em vùng Đại Lộc, Hoà Vang phần lớn học trường làng là chủ yếu với *Tam tự kinh* do các thầy đồ Nho am hiểu Hán học truyền thụ. Tuy nhiên, do kinh tế phát triển không đều giữa các vùng trong huyện nên có nhiều người không được đi học. Huyện Hoà Vang thời bấy giờ có đến 95% dân số của huyện mù chữ<sup>5</sup>. Chữ Hán được các cụ đồ ngày xưa truyền dạy cho con cháu trong tộc, họ mà ít mở trường lớp. Tuy thế quanh trong vùng các cụ đồ nho còn cố gắng mở trường duy trì việc dạy chữ Hán cho thanh thiếu niên trong và ngoài làng nhưng không được mấy, do cụ học đã bắt đầu hé lộ sự lỗi thời của nó. Học hết ấu học, trẻ được đưa đến Bình Thái học thêm chữ Hán với thầy giáo Thự hoặc đưa lên tổng An Phước học chữ quốc

---

<sup>5</sup> Theo: *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hoà Vang 1928 – 1954*, Tập 1. Nxb Đà Nẵng 1985.

ngữ tại trường An Phước. Học sinh cả một vùng từ các xã Ái Nghĩa, Cẩm Toại, Bồ Bản, Túy Loan, Phước Thuận...xuống đến Cẩm Hoà, Đà Ly, Đông Phước, Cẩm Lệ ...kéo nhau về tổng An Phước học chữ quốc ngữ, tham gia Phong trào Duy Tân nhận nhíp. Sau khi mở trường, tổ chức dạy được các lớp Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, và kéo dài đến năm 1915 do phụ huynh học sinh nhận thấy việc cho con em họ học theo tân học, học chữ quốc ngữ là cần thiết giúp nước giúp nhà nên đã đến ghi tên học ngày càng nhiều. Theo đó, trường phát triển thêm lớp, thêm bàn ghế mới đủ chỗ cho học sinh ngồi học. Tước tình hình như vậy, trường mở một cuộc vận động lạc quyên trong phụ huynh và những người tâm huyết với phong trào Duy Tân, ủng hộ tân học để có thể thêm trường, thêm lớp, đủ chỗ ngồi. Giúp cho trường phát triển, tích cực nhất là hội Hát bội và hội Đá bóng. Hè năm 1938, hội Hát bội tổ chức hát 3 đêm liền tại chợ Túy Loan, thu hút 450 đồng Đông Dương. Cụ Chánh Tiếng và Phó Nghị xin tri huyện Nguyễn Sỹ Túc cho bán một số hàm cửu phẩm và Phó tổng dụng, thu được 1.200 đồng bạc Đông dương. Bài về lạc quyên do thầy Đỗ Quảng, Hiệu trưởng nhà trường đặt ra để động viên, kêu gọi phụ huynh:

*...Đến năm linh tám cụ Nghè  
Nghĩ ra một cách tranh tre lập trường  
Vì đâu nên nổi dễ dàng  
Cũng nhờ ông Chánh sẵn sàng giúp ngay<sup>6</sup>  
...Đến năm ba tám mới là  
Nhờ thầy tổng giỏi nói ra rộng rãi...  
Tuy vại kẻ khó người giàu  
Giúp cho trẻ học đặng mau thành tài*

---

<sup>6</sup> Ông Chánh Tiếng Lâm Quang Toàn.

*Bạc làm sẽ có nghìn hai  
Chỉ còn thiếu độ một vài trăm thôi  
Phụ huynh trong tông ta ơi  
Trước đã giúp rồi nay lại giúp thêm...*

*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh* được phát động mạnh mẽ, có tiếng vang trong toàn tỉnh Quảng Nam. Tại An Phước và vùng phụ cận nhận thấy cựu học đã lỗi thời, đã cho con em đến học quốc ngữ và các môn khoa học mới theo phương pháp và sách giáo khoa chung của các trường Duy Tân trong tỉnh Quảng Nam.

Nội dung dạy thời kỳ này chú trọng kiến thức tân học vào các loại sách như sách *Bác vật chí* của cụ Phạm Phú Thứ, sách *Quảng Nam địa dư chí*, các bài về về sử ký, địa dư, cách trí của cụ Trương Trọng Hữu... Nội dung dạy học hoàn toàn đổi mới, mở ra lượng kiến thức mới có khả năng nhận biết và giải quyết các hiện tượng tự nhiên xã hội chung quanh, theo đó học sinh rất phấn khởi, chăm học. Hình thức tổ chức trường cũng khác trước, không khom lưng trên chiếu nữa mà đã có bàn ghế bằng tre hẵn hoi để ngồi, có bảng bằng gỗ, viết bằng đất sét tử tế. Trường học ngày một phát triển, các thầy giáo nhiệt tình dạy bảo, trò chăm học, năng động. Thông qua chương trình giảng dạy, dần truyền bá tinh thần yêu nước trong tầng lớp thanh niên tân học và nhân dân nói chung cho huyện.

Phương pháp dạy không chú trọng lý thuyết mà các giáo viên đã suy nghĩ, cải tiến thực hiện nguyên lý trong giảng dạy: *học đi đôi với hành, học văn hoá kết hợp với sản xuất, lao động gặt hái trong ngày mùa*. Phương châm thực hiện là *thả học, thả canh*. Chính đó, môn thủ công do thầy Lâm Hữu Tuân dạy học sinh các lớp chẻ nan, đan rổ, đan rá, nong nia từ lòng mốt đến

lông tư to bằng thật, chấm điểm xong, học sinh được mang về nhà dùng.

Thực hiện Duy Tân với phong trào vận động cắt tóc ngắn, mặc Âu phục khi đến trường, con trai thời bấy giờ tự giác, đi học cắt tóc ngắn, động viên nhau cúp tóc, thể hiện qua bài vè:

*Cúp hê! Cúp hê!  
Tây mặt cầm kéo  
Tay trái cầm lược  
Thủng thỉnh cho khéo  
Bỏ cái ngu này  
Ăn nói ngay thẳng  
Học mới từ đây  
Cúp hê! Cúp hê!*

Đến trường học, anh ngồi chung bàn với em, chú học với cháu, con trai con gái mạnh dạn ngồi chung bàn với nhau, không ngại. Thậm chí, có các bậc nho học cha chú của thầy vừa học chữ quốc ngữ vừa dạy một số môn khác cùng với thầy như võ sư Huỳnh Thường Tu, thầy địa lý Lâm Nhĩ... Nhờ không khí dạy và học được đổi mới, các lớp học trở nên sôi nổi hẳn, học sinh các nơi về ghi tên theo học ngày càng đông, có cả học sinh từ các làng lân cận vượt đường xa tìm đến<sup>7</sup>.

Tuy nhiên thời bấy giờ việc chuyển từ dạy chữ nho sang chữ quốc ngữ, bỏ cựu học theo tân học không phải là chuyện dễ dàng vì vấp phải sự phản đối lắm khi gay gắt từ phía cựu học, những người còn tôn vinh Nho học. Cũng là điều dễ hiểu. Sự phản đối thể hiện qua bài vè:

*Đời bây giờ là đời văn minh cõi thế*

---

<sup>7</sup> Xem: *Trường Tiểu học An Phước 95 năm truyền thống*. Nxb Giáo dục 2003.

*Thấy vậy thêm buồn!  
Ở anh em ơi,  
Học làm chi mà lăn lăn, liều liều  
không biết tích với tuồng vô đầu  
Mở sách ra thấy những con trâu, con bò  
Loại thú cầm con nhỏ, con to  
Bê-a-ba, bê-á-bá, bê-ớ-bớ<sup>8</sup>  
Anh viết quanh co không hàng  
Rồi đây trác sức về làng  
Lập trường dạy học cho đàn con thơ  
Bê-a-ba, bê-ớ-bớ, bê-ơ-bơ<sup>9</sup>  
Vận xuôi, vận ngược tê-e-rờ-u-tru<sup>10</sup>  
Khuyên cùng các chú sỹ phu  
Kẻ thì đi Hán tự, người thì thi vô ngữ trường.<sup>11</sup>*

nhiều người cương quyết không cho con em đi học thứ chữ Tây của cố đạo, một thứ chữ phản quốc!

Mặc dầu tình thế thời bấy giờ có khó khăn nhưng cụ Nghè Lâm vẫn kiên trì bám trường lớp dạy học vì việc nghĩa, đồng thời thực hiện khuyến học: vận động những nhà tâm huyết, hảo tâm giúp sức, hỗ trợ bút mực, sách vở, giấy cho những học sinh nghèo khó thiếu điều kiện nhằm động viên trên tinh thần *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*. Và lần đầu tiên trong huyện thu nhận học sinh nữ đến trường. Một sự mạnh dạn đáng trân trọng và đáng được phát huy! Trường tổ chức phát phần thưởng cho học sinh giỏi và học sinh có thành tích trong vận động bạn bè cùng đi học.

---

<sup>8</sup> Đây là cách đánh vần của *ba, bá, bớ*.

<sup>9</sup> *Ba, bá, bơ*.

<sup>10</sup> *Tru*.

<sup>11</sup> Hán tự tức học chữ Hán; ngữ trường là học chữ quốc ngữ.

Sau nhiều năm phát triển, đến năm 1926 được Đốc học tỉnh Quảng Nam công nhận là trường công lập có tên tiếng Pháp *Ecole Cantonale d' An Phuoc*. Các lớp học từ đó không còn gọi theo tiếng Việt nữa mà gọi bằng tiếng Pháp như Cours Enfantin, Cours Preparatoire...Sau đó, tỉnh cho mở lớp Sơ đẳng yếu lược gọi là Cours Elementaire, đồng thời bổ nhiệm Hiệu trưởng Lê Khôi về quản lý nhà trường.

Đến giai đoạn này trường đã chính thức trở thành trường công lập, được công nhận, không còn hoạt động theo kiểu trường làng ngày trước nữa. Người dân An Phước không còn xem là trường riêng của tổng mình mà đã có học sinh từ các tổng Phước Tường, Thanh An... tìm đến học. Hằng năm có chương trình chỉ tiêu tuyển sinh hẫng hoi, thầy cô giáo vào trường có nội quy, quy chế làm việc, lên lớp. Năm 1938, trường đã mở được lớp Nhì niên, đến năm 1940 Nhất niên, xem như đã phát triển toàn diện bậc học.

Trường *Ecole primaire complémentaire d'An Phuoc* từ đó liên tục phát triển. Nhờ có trường Tiểu học đầu tiên của huyện Hoà Vang dạy chữ quốc ngữ, nội dung phù hợp, phương pháp theo kiểu tân học, tiến bộ so với cựu học thời bấy giờ, vừa học vừa hành đã tạo điều kiện cho chữ quốc ngữ được đọc thông viết thạo trong các thế hệ học sinh. Kiến thức về khoa học thường thức, thủ công... được học sinh tiếp thu nhanh chóng, tiếng Pháp cũng được tự do tìm hiểu học tập là điều kiện cơ bản để các lớp học sinh An Phước tiếp thu tư tưởng dân chủ tiến bộ của phương Tây qua con đường sách báo. Rõ ràng, thời kỳ này trong nhân dân đã bắt đầu tìm đến để học:

...Sách quốc ngữ  
Chữ nước ta

*Con cái nhà  
Đều phải học...*

Có thể nói rằng, nhờ có trường Tiểu học An Phước đã đào tạo cho huyện Hoà Vang một lớp trí thức mới, có khả năng hưởng ứng mạnh mẽ, nhiệt tình phong trào Duy Tân, đưa cái mới, cái tiến bộ trên cơ sở khoa học kỹ thuật, thường thức vệ sinh, lối sống, giao lưu theo cung cách mới trong đời sống thường ngày đến gần với cuộc sống nhân dân vùng nông thôn. Lớp người trí thức này đã tiếp thu tư tưởng tiến bộ của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản Pháp, Ý... nêu cao tinh thần yêu nước, chống áp bức bóc lột là điều kiện sau này tiếp thu chủ nghĩa yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được truyền bá trong các đoàn thể Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, trong các hội đọc sách báo, hội đá banh, hội dệt vải, hội thuốc Bắc, hội truyền bá chữ quốc ngữ... được phát động rộng rãi trong tổng, huyện.

Nhờ có trường Tiểu học An Phước đã khắc phục khó khăn mở mang trường lớp, kiên quyết theo đuổi mục tiêu đến thắng lợi trong sửa đổi nội dung, phương pháp giảng dạy, vượt qua được trở ngại của giới cựu học, đưa chữ quốc ngữ và tinh thần tân học vào trong nhân dân với chủ trương *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh* đã góp phần làm chuyển biến cơ bản về nhận thức đối với giới trí thức Nho học thời bấy giờ. Trong các bài văn tế đọc tại các từ đường tộc họ đã có phần thay đổi cách nhìn nhận theo ý thức mới hơn, tân học hơn, văn từ chuyển từ Hán – Nôm dần sang Tiếng Việt:

*“...Khí đã oai hùng chí càng viễn đại  
Mở sơn hà thiết lập giang sơn  
Tài Mã – ni đang sức hô hào*



*Tuồng Lỗ địch quyết ra tay đào thải<sup>12</sup>  
Giương thân một thuở ra tay  
Đất tổ bốn phương mưa tạnh...’’<sup>13</sup>*

Nhiều thầy là trợ giáo như Trợ Ngọ, Trợ Thuyền, Trợ Đợi, Trợ Mít... đã góp công sức, trí tuệ làm cho nhà trường phát triển và đã góp phần đào tạo, giáo dục được nhiều thế hệ học sinh tham gia phong trào cách mạng của địa phương, nhiều người đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt nam là nguồn cán bộ chủ chốt trong Tổng khởi nghĩa cách mạng Tháng Tám 1945 tại các tổng An Phước, Bình Thái, Thanh An, Phước Tường...<sup>14</sup>.

Các thế hệ học sinh của trường trưởng thành đã hăng hái tham gia phong trào cách mạng tại địa phương do chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở đây lãnh đạo, tổ chức đấu tranh chính trị chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Những ngày chuẩn bị cho khởi nghĩa Tháng Tám 1945, trường Tiểu học An Phước là nơi tập trung các học sinh trong tổng cùng nhân dân dấy lên tinh thần đi giành chính quyền ở huyện Hoà Vang.

Trường đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh lên đường đi kháng chiến, làm cách mạng. Trong số nhiều người đã lập được chiến công xuất sắc như thầy giáo Châu Quang Thuyền, bị địch bắt tra tấn đến chết khi đang làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện Hoà Vang, thầy Đặng Ngọ, Lê Du bị địch bắn chết trên đường đi công tác. Nhiều học sinh của trường tập kết ra miền Bắc học tập và đã trở thành Giáo sư, Tiến sỹ, Nhà giáo ưu tú... có nhiều công hiến trong các lĩnh vực hoạt động.

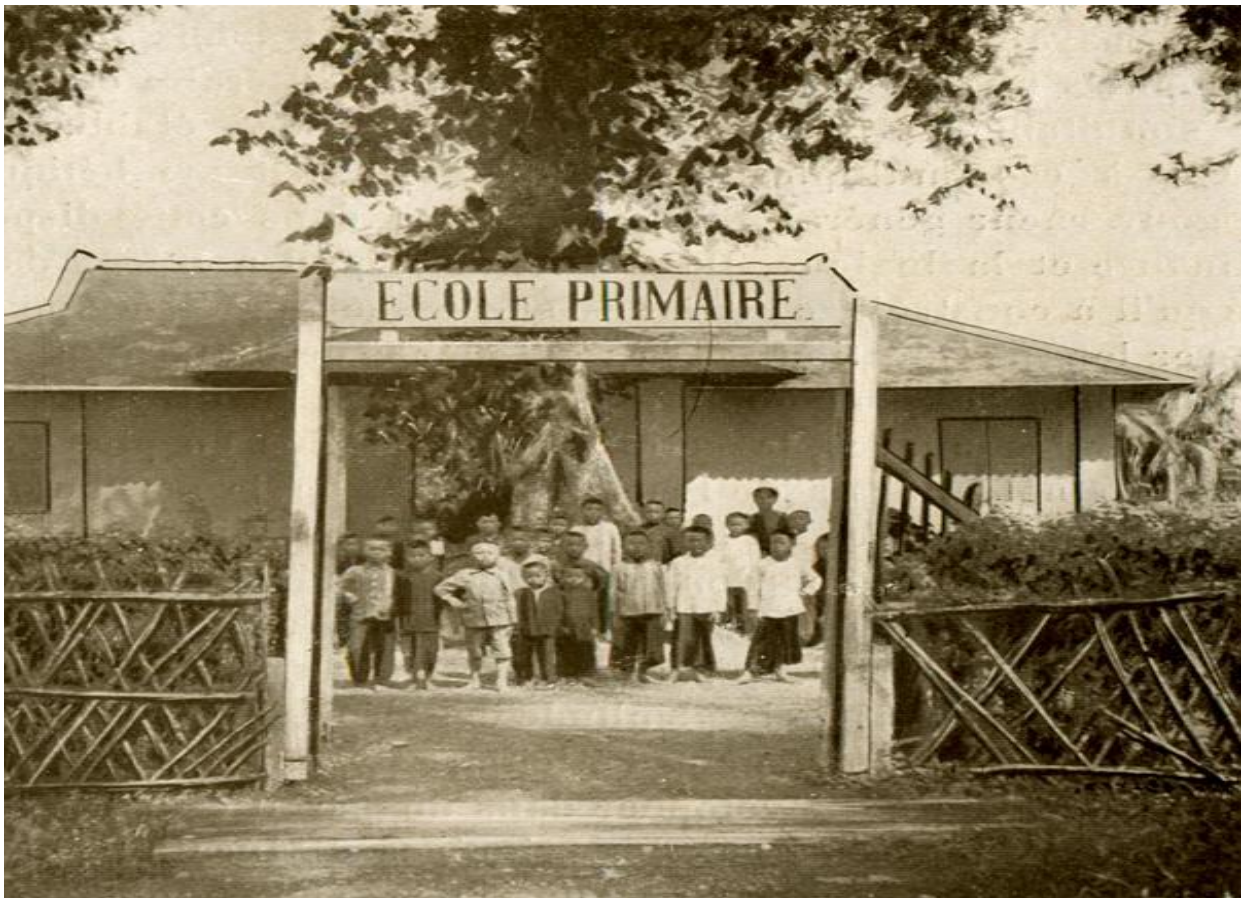
---

<sup>12</sup> Mã-chi-ni cùng với Gia-lý-ba-địch là hai nhà yêu nước có công lớn thống nhất nước Ý vào thế kỷ thứ XIX. Lỗ-địch vị vua cuối cùng của nền chuyên chế Pháp bị cách mạng Tư sản Pháp xử năm 1793.

<sup>13</sup> Trích văn tế Tiên hiền Đông Phước xã, Phước Tường thượng tổng.

<sup>14</sup> Xem: *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hoà Vang*, Sđd.

Có thể nói rằng là một ngôi trường nổi tiếng 100 năm nay đã nhận lãnh vai trò, sứ mệnh đào tạo nhiều thế hệ trí thức từ cựu học sang tân học, phù hợp với thời đại mới, nêu cao ý thức dân tộc, đem tài học của mình tham gia cách mạng cứu lấy nước nhà, đã từng có nhiều *hy sinh và cống hiến lớn đối với sự nghiệp nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, giải phóng và xây dựng Tổ quốc*<sup>15</sup>.



*Trường học xưa (Ảnh: tư liệu)*

---

<sup>15</sup> Trích *Thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp* khen ngợi trường Tiểu học An Phước ngày 18/6/1999. Xem: *Trường Tiểu học An Phước, 95 năm truyền thống*, Nxb Giáo dục, 2003.